

Bản án số: 34/2020/HNGĐ-PT.

Ngày: 15-12-2020

V/v: Ly hôn, con chung, tài sản chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phương.

Các Thẩm phán:

Ông Bằng Công Hiệp

Bà Nguyễn Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Bà Lê Ngọc Kim Loan- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 12 năm 2020 Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2020/TLPT-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2020 về “Ly hôn, con chung, tài sản chung”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 20/2020/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện PB, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 34/2020/QĐXX-PT ngày 04 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Dương Thị H, sinh năm 1991 (Có mặt).

Trú tại: Xóm TS, xã XP, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên.

2. Bị đơn: Anh Dương Văn T, sinh năm 1990 (Có mặt).

Trú tại: Xóm KC, xã XP, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Dương Thị N, sinh năm 1957 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú tại: Xóm TS, xã XP, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên.

3.2. Bà Dương Thị T1, sinh năm 1949 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú tại: Xóm KC, xã XP, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên.

3.3. Chị Dương Thị H1, sinh năm 1977 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú tại: Xóm A, xã XP, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên.

3.4. Anh Nguyễn Ngọc H2, sinh năm 1990 (Có yêu cầu xin được xét xử vắng mặt).

Trú tại: Xóm KC, xã XP, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên.

3.5. Chị Lê Thị L, sinh năm 1979 (Có đơn xin được xét xử vắng mặt).

Trú tại: Xóm KC, xã XP, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên.

3.6. Anh Nguyễn Khắc D, sinh năm 1969 (Có yêu cầu xin được xét xử vắng mặt).

Trú tại: Xóm TL, xã UK, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên.

3.7. Anh Dương Văn S, sinh năm 1984 (Có yêu cầu xin được xét xử vắng mặt).

Trú tại: Xóm Soi, xã Nhã Lộng, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên.

3.8. ông Dương Văn T2, sinh năm 1954 (Có mặt).

Trú tại: Xóm KC, xã XP, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên.

3.9. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1955 (Có mặt).

Trú tại: Xóm KC, xã XP, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn Anh Dương Văn T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Dương Thị H trình bày:

Chị với anh Dương Văn T kết hôn vào tháng 11/2015 trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã XP, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi cưới chị về nhà anh T làm dâu, hai vợ chồng chị sống hòa thuận được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, anh T không quan tâm đến gia đình, thường xuyên quan hệ với người con gái khác, ham mê cờ bạc, lô đề, chị đã khuyên bảo nhưng anh T không nghe, mà thường xuyên đánh đập chị, và đuổi chị ra khỏi nhà. Do đó tháng 7/2018 chị đã phải bế con về nhà mẹ đẻ để ở, và ly thân với anh T từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Dương T Y, sinh ngày 11/11/2017. Chị xin được nuôi cháu Y và yêu cầu anh T đóng tiền nuôi con chung là 2.000.000đ/tháng. Cho đến khi cháu Y tròn 18 tuổi

- Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có xây 01 ngôi nhà cấp 4, hai tầng trên đất của bố mẹ chồng là ông Dương Văn T, bà Nguyễn Thị L1. Ngôi nhà này vợ chồng anh chị xây năm 2016 với giá tiền 800.000.000đ, trong quá trình xây dựng nhà, chị đã góp tiền xây nhà với anh T một khoản tiền là 315.000.000đ, chị đề nghị Tòa án xét xử nếu ai ở lại ngôi nhà này thì phải trích chia tiền cho người không được ở ½ giá trị ngôi nhà, còn tài sản là đồ dùng sinh hoạt thì chị không yêu cầu chia.

- Về nợ chung: Quá trình xây nhà, chị có vay của bà Dương Thị N; Trú tại: Xóm TS, xã XP, huyện PB số tiền 40.000.000đ; vay của bà Dương Thị T1; Trú

tại: Xóm KC, xã XP, huyện PB số tiền 30.000.000đ; vay của chị Dương Thị H1; trú tại: Xóm Ngoài, xã XP, huyện PB số tiền 30.000.000đ; vay Ngân hàng ShinhanBank Thái Nguyên 70.000.000đ. Những khoản nợ này chị yêu cầu anh T phải có trách nhiệm trả cùng với chị, vì các khoản nợ này đều góp vào tiền xây ngôi nhà của hai vợ chồng năm 2016. Còn nếu anh T không đồng ý trả nợ cùng chị, thì chị sẽ có trách nhiệm trả cho bà N, bà T1, chị H1 và Ngân hàng ShinhanBank Thái Nguyên.

Bị đơn là anh Dương Văn T trình bày:

Anh xác định thời gian kết hôn và con chung đúng như chị Dương Thị H khai. Lý do mâu thuẫn của hai vợ chồng anh chị xuất phát từ việc hai vợ chồng anh chị không đồng nhất quan điểm sống, ngoài ra chị H thường xuyên cãi nhau với mẹ chồng, anh đã khuyên bảo nhiều lần nhưng chị H không nghe nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Đến tháng 6/2018 thì chị H bế con về nhà mẹ đẻ ở từ đó cho đến nay, hai vợ chồng anh chị cũng đã ly thân từ tháng 6/2018 và không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị H xin ly hôn anh, anh cũng xác định tình cảm vợ chồng anh không còn, nhất trí thuận tình ly hôn với chị H.

- Về con chung: Anh nhất trí để cho chị H nuôi con chung là cháu Dương T Y, anh chỉ xin được đón con mỗi tuần một lần về nhà để đưa cháu đi chơi.

Anh cũng nhất trí đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng là 1.000.000đ, đến khi cháu Y tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không có.

- Nợ chung: Không nợ ai.

Ông Dương Văn T2 (Bố đẻ anh T) **người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan** khai: Tháng 10/2015 anh Dương Văn T với chị Dương Thị H kết hôn, sau khi kết hôn thì anh T, chị H về sống cùng vợ chồng ông bà. Sau đó ông bà có xây nhà cho vợ chồng anh T, và đến đầu năm 2017 thì cho vợ chồng anh T ra ở riêng. Trong quá trình chung sống thì anh T, chị H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên đánh cãi chửi nhau, chị H lại có mâu thuẫn với vợ ông nên giữa các thành viên trong gia đình sống rất căng thẳng. Đến tháng 6/2018 thì chị H bế con bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ đó đến nay, nay chị T làm đơn xin ly hôn anh T thì ông không có ý kiến gì, vì đây là quyết định của chị H với anh T. Còn chị H đòi anh T phải chia $\frac{1}{2}$ giá trị của ngôi nhà hai tầng xây năm 2016, thì ông không nhất trí. Vì ngôi nhà này là tiền của vợ chồng ông bà đưa cho anh T, để anh mua vật liệu xây dựng, thuê người đến xây ngôi nhà trên, và ngôi nhà này xây trên đất của vợ chồng ông bà, ông bà chưa tách đất cho anh T, chị H. Ông xác định chị H không có đóng góp gì vào việc xây ngôi nhà trên, nên không có liên quan gì đối với ngôi nhà này.

Bà Nguyễn Thị L1 (Mẹ đẻ anh T) khai: Bà nhất trí với ý kiến của ông Dương Văn T2 chồng bà, bà không có ý kiến gì thêm.

Bà Dương Thị N (mẹ đẻ chị H) khai: Bà là mẹ đẻ của chị Dương Thị H. Tháng 11/2015 chị H, với anh Dương Văn T kết hôn với nhau. Sau đó chị H về ở bố mẹ chồng. Đến tháng 9/2016 thì chị H với anh T xây nhà hai tầng trên đất của bố mẹ anh T cho. Quá trình chị H, anh T xây nhà, bà có cho anh chị vay 40.000.000đ, vì là mẹ con nên bà không yêu cầu chị H, anh T viết giấy vay tiền. Đến thời điểm này chị H, anh T vẫn chưa trả tiền cho bà. Nay chị H với anh T ly hôn, bà không yêu cầu anh T, chị H phải trả số tiền trên cho bà. Nếu sau này chị H làm ăn được thì bà sẽ đòi chị H bằng một vụ án dân sự khác, bà đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà.

Chị Dương Thị H1 khai: Chị là chị gái ruột của chị Dương Thị H. Tháng 11/2016 chị H, với anh Dương Văn T kết hôn với nhau. Sau đó chị H về ở bố mẹ chồng. Đến tháng 9/2016 thì chị H với anh T xây nhà hai tầng trên đất của bố mẹ anh Dương Văn T cho. Quá trình chị H, anh T xây nhà, chị có cho chị H, anh T vay 30.000.000đ, vì là chị em nên chị không yêu cầu chị H, anh T viết giấy vay tiền. Đến thời điểm này chị H, anh T vẫn chưa trả tiền cho chị. Nay chị H với anh T ly hôn, chị không yêu cầu anh T, chị H phải trả số tiền trên cho chị. Nếu sau này chị H làm ăn được thì chị sẽ đòi chị H bằng một vụ án dân sự khác, chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà.

Bà Dương Thị T1 khai: Bà là bác ruột của chị Dương Thị H. Tháng 9/2016, chị H với anh T xây nhà hai tầng trên đất của bố mẹ anh Dương Văn T cho. Quá trình chị H, anh T xây nhà, bà có cho chị H, vay 30.000.000đ, vì là bác cháu nên bà không yêu cầu chị H, anh T viết giấy vay tiền. Đến thời điểm này chị H, anh T vẫn chưa trả tiền cho bà. Nay chị H với anh T ly hôn, bà không yêu cầu anh T, chị H phải trả số tiền trên cho bà. Nếu sau này chị H làm ăn được thì bà sẽ đòi chị H bằng một vụ án dân sự khác, bà đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà.

Anh Nguyễn Ngọc H2 khai: Anh với vợ chồng anh Dương Văn T, chị Dương Thị H có mối quan hệ quen biết vì ở gần nhà nhau. Tháng 4/2017, anh T có gọi điện cho anh vào làm mái chống nóng của gia đình anh T, chị H. Khi vào làm thì có ông T2 là bố đẻ của anh T đứng ra trông công trình, đến khi làm xong anh với anh T quyết toán, thì toàn bộ mái chống nóng nhà anh T, chị H hết hơn 20.000.000đ. Số tiền này anh T trả cho anh khoảng 15.000.000đ, còn ông T2 trả cho anh số còn lại. Đến nay anh T, chị H không còn nợ anh. Nay anh T chị H ly hôn, anh không còn liên quan gì đến việc công nợ, nên anh đề nghị Tòa án không báo gọi anh đến tham dự phiên tòa vì anh cũng rất bận công việc. Anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh.

Anh Nguyễn Khắc D khai: Anh với vợ chồng anh Dương Văn T, chị Dương Thị H có mối quan hệ quen biết vì ở gần nhà nhau. Khoảng tháng 6/2016, anh T có gọi điện cho anh vào xây dựng ngôi nhà hai tầng của gia đình anh T, chị H. Khi

vào làm thì có làm hợp đồng miệng với ông T2 là bố đẻ của anh T. Trong quá trình xây dựng, anh có nhận tiền công do anh T trực tiếp trả. Hiện nay anh T, chị H mới trả cho anh được 90.000.000đ, còn nợ lại anh 50.000.000đ, nay anh T chị H ly hôn thì anh sẽ đòi anh chị bằng một vụ án dân sự khác, chứ không đòi tiền anh T, chị H trong vụ án ly hôn này. Anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Anh Dương Văn S khai: Anh với vợ chồng anh Dương Văn T, chị Dương Thị H có mối quan hệ quen biết, nên anh có đến nhà anh T đặt vấn đề sơn nhà cho anh chị. Khoảng đầu năm 2017, anh bắt đầu tiến hành sơn nhà cho anh T, khi sơn không làm hợp đồng, số tiền sơn nhà cho anh chị hết khoảng hơn 40.000.000đ. Anh nhận tiền sơn nhà trực tiếp từ anh T, chị H, không nhận tiền từ bất cứ ai. Việc anh T nói bố mẹ anh ấy làm hợp đồng sơn nhà với anh là không đúng. Hiện nay anh T, chị H vẫn còn nợ anh khoảng hơn 8.000.000đ, nhưng anh không đòi anh T, chị H trong vụ án này, khi nào anh T, chị H không trả anh nữa, thì anh mới làm đơn khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác. Do công việc của anh rất bận nên anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Chị Lê Thị L khai: Chị với vợ chồng anh Dương Văn T, chị Dương Thị H có mối quan hệ quen biết vì ở gần nhà nhau. Khoảng tháng 9/2016, chị H, anh T có ra cửa hàng vật liệu xây dựng của nhà chị mua sắt, thép, xi măng, gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh cho công trình nhà của anh chị. Quá trình xây dựng và hoàn thiện nhà, người lấy vật liệu xây dựng là anh T, chị đã cung cấp vật liệu xây dựng cho công trình nhà của anh T, chị H khoảng 200.000.000đ, số tiền này là anh T, chị H trả cho chị, không có ai đứng ra trả thay cho anh T, chị H. Đến nay anh T, chị H còn nợ chị khoảng 16.000.000đ. Nay anh T, chị H ly hôn thì chị không đòi số tiền này trong vụ án ly hôn, vì chưa tìm được các hóa đơn, chứng từ bán vật liệu xây dựng cho anh T, chị H nên chưa quyết toán cụ thể được. Khi nào tìm được hết các chứng từ để quyết toán, nếu anh chị không trả tiền cho chị, thì chị sẽ khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

Tại biên bản định giá ngày 03/7/2020, do Hội đồng định giá tài sản huyện PB đã quyết định giá trị còn lại của ngôi nhà là 603.072.158đ (Sáu trăm linh ba triệu, không trăm bảy mươi hai ngàn, một trăm năm mươi tám đồng)

Với nội dung trên, tại bản án số 20/2020/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện PB, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Dương Thị H, cho chị H được ly hôn anh Dương Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Dương Thị H trực tiếp nuôi cháu Dương T Y, sinh ngày 11/11/2017. Buộc anh Dương Văn T phải có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H để nuôi cháu Dương T Y mỗi tháng là 2.000.000đ, cho đến khi cháu Y tròn 18 tuổi. Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở, ngăn cấm.

3. Về tài sản chung: Giao cho anh T quản lý sử dụng ngôi nhà cấp 4, hai tầng, diện tích 95,03m² xây trên thửa đất số 443, 316 tờ bản đồ số 04, bản đồ địa chính xã XP, huyện PB (Đất vẫn thuộc quyền quản lý của ông Dương Văn Toán, bà Nguyễn Thị Lan).

- Anh T phải có trách nhiệm trích chia cho chị H ½ giá trị ngôi nhà bằng tiền là 301.536.079đ (Ba trăm linh một triệu, năm trăm ba mươi sáu ngàn, không trăm bảy chín đồng) và 2.500.000đ tiền chi phí tố tụng. Tổng cộng là 304.036.079đ.

- Giao cho chị H quản lý, sử dụng số tiền 304.036.079đ (Ba trăm linh bốn triệu, không trăm ba mươi sáu ngàn, không trăm bảy chín đồng) do anh T trích chia tài sản chung và tiền chi phí tố tụng.

- Về phần nợ: Không giải quyết trong vụ án này.

Ngoài ra bản án sơ thẩm con quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 04/9/2020 anh Dương Văn T kháng cáo với nội dung:

Về phần đóng góp nuôi con chung đề nghị Tòa án phúc thẩm xem xét lại vì bản thân anh không có nghề nghiệp ổn định thu nhập thấp không đảm bảo được 2.000.000đồng/1 tháng.

Về tài sản chung, Tòa án buộc anh phải trích chia cho chị H ½ giá trị ngôi nhà là 301.536/079 đồng là không có căn cứ vì tiền xây dựng ngôi nhà là tiền của bố mẹ để anh đầu tư xây dựng cho anh ra ở riêng. Tòa án sơ thẩm bảo vệ cho chị H về tiền đầu tư xây nhà anh không được biết. Anh chỉ đồng ý cho chị H công sức đóng góp vào việc tạo lập duy trì khối tài sản bố mẹ anh cho ở nhờ.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh T thay đổi nội dung kháng cáo về cấp dưỡng nuôi con chung. Anh nhất trí cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H mỗi tháng 1.500.000đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị H nhất trí.

Về tài sản chung: Anh T cung cấp đơn xác nhận của anh Nguyễn Ngọc H2, chị Lê thị L, anh Nguyễn Khắc D, anh Phạm Văn G, ông Dương Văn T2 và bà Nguyễn Thị L1. Anh T chỉ nhất trí trích chia giá trị tài sản chung cho chị H là 100.000.000 đồng. Chị H không nhất trí.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của anh T. Sửa bản án sơ thẩm số 20/2020/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện PB, tỉnh Thái Nguyên về phần cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của Dương Văn T làm trong hạn luật

định, đã nộp dự phí kháng cáo nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2.] Xét kháng cáo của anh Dương Văn T về nội dung không nhất trí đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H để nuôi cháu Dương T Y mỗi tháng là 2.000.000đồng, anh chỉ nhất trí 1.500.000đồng/01 tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị H nhất trí anh T cấp dưỡng nuôi con chung cho chị mỗi tháng 1.500.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy, tại phiên tòa chị H và anh T đã thỏa thuận mức cấp dưỡng nuôi con chung là Dương T Y mỗi tháng 1.500.000đồng là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Y khi cha mẹ ly hôn. Hội đồng xét xử công nhận.

[3.] Xét nội dung kháng cáo của anh T cho rằng ngôi nhà xây 2 tầng trên thửa đất của bố mẹ anh do nguồn tiền của bố mẹ để anh xây cho anh khi ra ở riêng, chị H không có tiền đóng góp, anh không nhất trí trích chia tài sản cho chị H, anh đồng ý tính sức đóng góp của chị H vào khối tài sản chung là 70.000.000đồng. Chị H không nhất trí.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Về giá trị ngôi nhà, tại biên bản định giá ngày 03/7/2020 Hội đồng định giá tài sản xác định là 603.072.158đ (Sáu trăm linh ba triệu, không trăm bảy mươi hai ngàn, một trăm năm mươi tám đồng). Anh T và chị H không có ý kiến về kết quả định giá tài sản.

Về việc xác định nguồn tiền xây dựng ngôi nhà 2 tầng nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác minh, thu thập chứng cứ, căn cứ lời khai của chị H, lời khai của những người làm chứng về việc cung cấp vật liệu, xây nhà, nhận tiền xây nhà đều do anh T và chị H thanh toán. Tại phiên tòa phúc thẩm anh T không cung cấp được chứng cứ chứng minh số tiền xây nhà là của bà L1 và ông T2. Tòa án cấp sơ thẩm xác định ngôi nhà cấp bốn, hai tầng xây năm 2016 là tài sản chung của anh T, chị H và chia mỗi người được hưởng ngang nhau giá trị tài sản chung là nhà và công trình xây dựng trên đất được chia là có căn cứ, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự. Kháng cáo của anh T về nội dung này, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận.

Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên là có căn cứ chấp nhận.

Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của anh T được chấp nhận một phần nên anh T không phải chịu án phí phúc thẩm.

Về án phí sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.501.804đồng là chưa chính xác. Mặc dù anh T không kháng cáo. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho anh T và việc áp dụng pháp luật được đúng quy định. Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa lại phần án phí dân sự sơ thẩm đối với anh T phải nộp là 15.076.804đồng và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Tổng cộng anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.376.804đồng

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Dương Văn T về cấp dưỡng nuôi con. Sửa một phần bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 20/2020/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện PB, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357, 468 của BLDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Dương Thị H, cho chị H được ly hôn anh Dương Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Dương Thị H trực tiếp nuôi cháu Dương T Y, sinh ngày 11/11/2017. Anh Dương Văn T phải có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H để nuôi cháu Dương T Y mỗi tháng là 1.500.000đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu Y tròn 18 tuổi. Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở, ngăn cấm.

3. Về tài sản chung: Giao cho anh T quản lý sử dụng ngôi nhà cấp 4, hai tầng, diện tích 95,03m² xây trên thửa đất số 443, 316 tờ bản đồ số 04, bản đồ địa chính xã XP, huyện PB (Đất vẫn thuộc quyền quản lý của ông Dương Văn T2, bà Nguyễn Thị L1).

Anh T phải có trách nhiệm trích chia cho chị H 1/2 giá trị ngôi nhà bằng tiền là 301.536.079đ (Ba trăm linh một triệu, năm trăm ba mươi sáu ngàn, không trăm bảy chín đồng) và 2.500.000đ tiền chi phí tố tụng. Tổng cộng là 304.036.079đồng.

Giao cho chị H quản lý, sử dụng số tiền 304.036.079đ (Ba trăm linh bốn triệu, không trăm ba mươi sáu ngàn, không trăm bảy chín đồng) do anh T trích chia tài sản chung và tiền chi phí tố tụng.

- Về phần nợ: Không giải quyết trong vụ án này.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh T không tự nguyện thi hành số tiền phải trích chia từ tài sản chung và tiền đóng góp cho chị H để nuôi con chung, thì lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của BLDS; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự.

5. Về án phí: Anh T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Được hoàn lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000002 ngày 07/9/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện PB.

Chị H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 15.076.804 đồng án phí dân sự nộp Ngân sách nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000946 ngày 05/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện PB.

Chị H còn phải nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.076.804 đồng; Anh T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản và tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc phải cấp dưỡng nuôi con chung là 15.376.804 đồng vào ngân sách nhà nước.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bằng Công Hiệp- Nguyễn Thị Thủy

Lê Thị Hồng Phương

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND TPTN;
- THADS TPTN;
- Các đương sự;
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Phương

